TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H THNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST Ngày 30-8-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THNH PHỐ HẢI PHÒNG

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận H, Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, tHnh phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, tHnh phố xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể H38, H 2, phường Đ 2, quận H, thành phố H; nơi ở hiện nay: Số 7/79 khu L, phường Đ, quận H, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu tập thể H 38, H 2, phường Đ 2, quận H, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức C trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 29/3/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, quận D), thành phố H. Sau cưới vợ chồng sinh sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ chị H tại xã H, huyện K. Đến năm 2012 anh chị ra Khu tập thể H 38, H 2, phường Đ 2, quận H, thành phố H sinh sống. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, đánh chửi nhau, hơn nữa anh C ghen tuông mù quáng về đánh đập, chửi bới, lăng mạ chị thậm tệ. Mâu thuẫn đã được 2 bên gia đình hòa giải xong không có kết quả. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn hôn nhân không có hạnh phúc, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

Về con chung: Chị xác nhận có hai con là Nguyễn Cảnh Đ, sinh ngày 18/01/2005 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/9/2009. Hiện tại hai con đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi hai con; việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh C tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2019 tại Tòa án nhân dân quận H cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức C (bị đơn) trình bày:

Anh C công nhận lời khai của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, hình thức kết hôn, còn nguyên nhân mâu thuẫn theo anh C là do không hợp nhau, anh cho rằng chị H có quan hệ ngoại tình về chị H chửi chồng, lăng nhục, đánh chửi anh. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh muốn vợ chồng đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức C xác nhận có hai con là Nguyễn Cảnh Đ, sinh ngày 18/01/2005 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/9/2009. Trường hợp ly hôn, anh Nguyễn Đức C đồng ý nhường quyền nuôi hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung anh, chị tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Đức C. Về con chung: Hiện cả hai cháu đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có thu nhập ổn định, nguyện vọng của hai cháu đều muốn ở với mẹ. Nên áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị H được trực tiếp nuôi cả hai con Nguyễn Cảnh Đ và Nguyễn Hà M. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

Kiểm sát viên không đề nghị. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên kiểm sát viên không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Đức C vẫn đang sinh sống, cư trú tại Khu thập thể H 38, H 2, phường Đ 2, quận H, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, quận D), thành phố H vào tháng 03/2004. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh C là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố của chị H, anh C đều có quan điểm cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đánh chửi nhau, thậm chí xô xát với nhau, do việc bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm. Chị H, anh C đều thừa nhận mâu thuẫn. Việc anh C cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị H, nhưng anh không đưa ra được căn cứ gì để thuyết phục chị H thay đổi quan điểm nên việc anh không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Hiện đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh C đã mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh C là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh C xác nhận quá trình chung sống có hai con là Nguyễn Cảnh Đức, sinh ngày 18/01/2005 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/9/2009. Hiên tại các cháu đang sinh sống cùng chị H. Trường hợp các cháu muốn sống cùng chị H khi bố mẹ ly hôn, anh C cũng đồng ý để các con sống cùng mẹ khi vợ chồng ly hôn.Vì vậy giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với thực tế. Việc cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh C không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 147 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 3; điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Nguyễn Cảnh Đ, sinh ngày 18/01/2005 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/9/2009 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: chị H, anh C tự thỏa thuận nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2016 số 0004756 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, thành phố H. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Hải THnh, quận Dương Kinh; TP. Hải Phòng.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng **Nguyễn Ngọc Cường**

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng	**Nguyễn Ngọc Cường**